



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
CÔNG NGHIỆP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp đã trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

MỤC LỤC

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 218/2003/QĐ-BTC ngày 18/12/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101000000/Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2004.

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9-10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11-30

- Công kết quả công xây dựng hoạt động kinh tế hàng, dịch vụ, kinh vực lập kế hoạch trình xây dựng - hoàn thiện.
- Hoàn tất thi công xây dựng và hoàn thiện hợp công trình đang dở.
- Mua sắm tài sản cố định.
- Dự án giải bài động sản.
- Dịch vụ xin giao dịch bất động sản.
- Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thực vật.
- Thiết kế công trình kỹ thuật.
- Thiết kế công trình giao thông.
- Thiết kế công trình thủy lợi.
- Tư vấn lập dự án đầu tư, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình, các công trình nghiệp, giao thông, thủy lợi, hệ thống kỹ thuật.
- Tư vấn địa hình, tư vấn quản lý dự án đầu tư những công trình xây dựng (kể cả tư vấn).
- Tư vấn quản lý dự án đầu tư, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình, các công trình nghiệp, giao thông, thủy lợi, hệ thống kỹ thuật.
- Thi nghiệm kiểm định vật liệu xây dựng, các công trình xây dựng, công trình xây dựng.
- Sản xuất kết cấu thép phục vụ các công trình xây dựng và công nghiệp.
- Tư vấn giám sát chất lượng xây dựng.
- Thiết kế quy hoạch tổng thể các công trình xây dựng, ngoài thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp.
- Khảo sát, thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp.
- Tư vấn đầu tư.
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng.
- Sản xuất vật liệu xây dựng, các công trình xây dựng và các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng.
- Đầu tư kinh doanh vật liệu xây dựng công nghiệp.
- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng dân dụng A, xây dựng các công trình thủy lợi, đường bộ, đường sắt, đường biển và đường.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 218/2003/QĐ-BTC ngày 16/12/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101482060 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 25 tháng 12 năm 2010.

Vốn Điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng

Trụ sở chính Công ty đặt tại số 158 phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sàn giao dịch UPCOM. Mã cổ phiếu: ICI

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101482060 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/04/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 25/12/2010:

- Giám sát thi công xây dựng loại công trình hạ tầng, thủy lợi, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công trình xây dựng – hoàn thiện;
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện loại công trình đường bộ;
- Môi giới bất động sản;
- Định giá bất động sản;
- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn;
- Thiết kế công trình kỹ thuật;
- Thiết kế công trình giao thông;
- Thiết kế công trình thủy lợi;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình, dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Tư vấn đầu thầu, tư vấn quản lý dự án đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, kỹ thuật và dự toán, quyết toán công trình xây dựng;
- Thí nghiệm kiểm định vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, công trình, công trình xây dựng;
- Sản xuất kết cấu thép phục vụ các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn giám sát chất lượng xây dựng;
- Thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng kiến trúc nội, ngoại thất công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Khảo sát, thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư;
- Sản xuất, kinh doanh rượu và nước giải khát có cồn;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện cơ khí phục vụ các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở và hạ tầng khu công nghiệp;
- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng đến nhóm A, xây dựng các công trình thủy lợi, đường bộ, đường dây và trạm biến thế điện.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 6 đến trang 30 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

<u>Hội đồng Quản trị</u>	<u>Vị trí</u>	<u>Thời gian làm việc</u>
Ông Đỗ Phương Thịnh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Đến ngày 10/07/2011
Ông Đàm Xuân Vũ	Ủy viên	
Ông Trần Văn Khiên	Ủy viên	
Ông Trương Quang Dũng	Ủy viên	
Ông Trần Gia Hưng	Ủy viên	

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<u>Ban Giám đốc</u>	<u>Vị trí</u>	<u>Thời gian làm việc</u>
Ông Đàm Xuân Vũ	Tổng Giám đốc	Đến ngày 10/07/2011
Ông Trương Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Khiên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Gia Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đào Ngọc Trinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Kiên Giang	Phó Tổng Giám đốc	

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia Việt Nam, thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Integra International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm nhằm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác liên quan đến quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Đàm Xuân Vũ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Số 316/2012/MKNAG/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 26 tháng 03 năm 2012. Như đã trình bày tại Thuyết minh số III và IV của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác liên quan đến quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

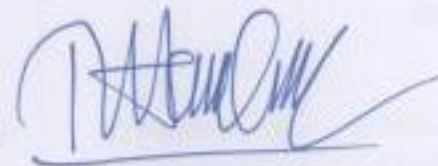
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác liên quan đến quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.



[Handwritten signature]

Phan Huy Thăng
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0147/KTV



Phan Lê Thành Long
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0922/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC GIA VIỆT NAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Integra International
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		452.349.880.704	479.899.381.950
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	25.443.360.578	32.643.185.004
1. Tiền	111		22.443.360.578	32.643.185.004
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		700.000.000	9.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	700.000.000	9.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		211.345.606.823	257.631.054.112
1. Phải thu khách hàng	131	V.03	134.688.853.048	149.697.324.590
2. Trả trước cho người bán	132		14.617.254.955	8.602.817.027
3. Các khoản phải thu khác	135	V.04	64.163.209.511	102.577.575.590
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.123.710.691)	(3.246.663.095)
IV. Hàng tồn kho	140		213.717.475.497	178.563.048.090
1. Hàng tồn kho	141	V.05	213.717.475.497	178.563.048.090
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.143.437.806	1.562.094.744
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.278.636	10.853.472
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	916.210.391
1. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	1.130.159.170	635.030.881
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.636.802.266	54.185.619.295
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		21.501.376.927	24.206.093.008
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	18.418.667.853	21.033.838.480
- Nguyên giá	222		42.036.575.416	42.462.899.541
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.617.907.563)	(21.429.061.061)
2. Tài sản cố định vô hình	227		3.082.709.074	3.082.709.074
- Nguyên giá	228		3.082.709.074	3.082.709.074
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	89.545.454
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.08	6.998.386.464	6.665.690.394
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.998.386.464	4.665.690.394
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.000.000.000	2.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.137.038.875	23.313.835.893
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	4.126.122.650	23.233.708.680
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		10.916.225	80.127.213
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		484.986.682.970	534.085.001.245

Các Thuyết minh từ mục I đến mục VII là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		430.083.626.293	484.107.881.251
I. Nợ ngắn hạn	310		418.613.109.180	469.067.270.450
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	131.110.772.868	102.631.163.577
1. Phải trả người bán	312		136.097.687.669	139.672.633.953
2. Người mua trả tiền trước	313		87.219.708.661	167.368.993.018
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	27.221.649.690	19.337.661.326
4. Phải trả người lao động	315		2.232.217.400	2.182.154.600
5. Chi phí phải trả	316	V.12	2.062.790.499	1.560.440.499
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	32.465.266.834	35.825.262.917
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		203.015.559	488.960.560
II. Nợ dài hạn	330		11.470.517.113	15.040.610.801
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	6.995.737.142	9.535.040.380
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.291.193.199	1.017.280.284
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.15	3.183.586.772	3.207.258.590
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	1.281.031.547
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.750.876.433	46.315.222.888
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	50.750.876.433	46.315.222.888
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		758.266.000	758.266.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		520.830.000	170.830.000
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.461.000.000	1.161.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.010.780.433	4.225.126.888
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		4.152.180.244	3.661.897.106
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		484.986.682.970	534.085.001.245

Lưu ý: Công ty thực hiện bù trừ công nợ phải thu, phải trả với các Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24, Công ty Cổ phần Đầu tư và Cơ giới Xây dựng và thực hiện bù trừ công nợ nội bộ với tổng số tiền 150.822.537.574 đồng khi lập và trình bày Báo cáo tài chính dẫn đến Tổng tài sản và Tổng nguồn vốn của Công ty giảm 49.098.318.275 đồng.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc



Đàm Xuân Vũ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		633.830.512.851	647.983.278.720
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		47.450.909	3.272.477
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	633.783.061.942	647.980.006.243
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	595.375.853.147	617.409.071.775
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.407.208.795	30.570.934.468
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	7.520.213.925	5.477.816.431
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	17.720.314.184	5.442.309.734
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.652.807.846	4.330.259.605
8. Chi phí bán hàng	24		197.109.090	56.954.544
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.492.260.276	21.521.942.103
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.517.739.170	9.027.544.518
11. Thu nhập khác	31		3.681.173.997	4.480.110.665
12. Chi phí khác	32		2.536.078.725	3.746.840.372
13. Lợi nhuận khác	40	VI.05	1.145.095.272	733.270.293
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		774.471.053	165.690.394
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.437.305.495	9.926.505.205
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.06	1.614.367.741	2.332.184.212
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		69.210.988	144.556.990
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.753.726.766	7.449.764.003
19. Lợi ích cổ đông thiểu số			494.680.244	501.397.106
20. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ			7.259.046.522	6.948.366.897
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.07	1.815	2.301

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Hương

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Tổng Giám đốc



Đàm Xuân Vũ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		9.437.305.495	9.926.505.205
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02		4.648.105.441	5.539.116.403
Các khoản dự phòng	03		(1.146.624.222)	(593.874.889)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.197.342.159)	(6.418.015.892)
Chi phí lãi vay	06	VI.04	17.652.807.846	4.330.259.605
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		24.394.252.401	12.783.990.432
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		48.466.271.824	(69.251.889.696)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(35.154.427.407)	(15.448.998.330)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TNDN phải trả)	11		(81.637.230.507)	60.787.904.320
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		19.105.160.866	(19.967.001.924)
Tiền lãi vay đã trả	13		(16.274.046.909)	(4.444.277.684)
Thuế TNDN đã nộp	14		(2.606.484.505)	(1.122.696.612)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		230.103.488	677.502.106
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(797.682.529)	(342.301.252)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(44.274.083.278)	(36.327.768.640)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(382.119.999)	(13.990.852.629)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		180.000.000	870.153.461
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(16.540.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		8.800.000.000	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(5.352.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.194.082.499	5.552.862.431
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.791.962.500	(29.459.836.737)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2011	Năm 2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Vốn góp của chủ sở hữu	31		-	13.480.000.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		147.982.506.402	128.824.037.196
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(123.780.210.050)	(89.638.256.311)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho Chủ sở hữu	36		(1.920.000.000)	(3.382.842.636)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		22.282.296.352	49.282.938.249
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(7.199.824.426)	(16.504.667.128)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	V.01	32.643.185.004	49.147.852.132
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	V.01	25.443.360.578	32.643.185.004

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Hương

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Tổng Giám đốc



Đàm Xuân Vũ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 218/2003/QĐ-BTC ngày 16/12/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101482060 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 25 năm 12 năm 2010.

Trụ sở chính Công ty tại số 158 phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Vốn Điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng được chia thành 4.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1.440.000	14.400.000.000
Các cổ đông khác	2.560.000	25.600.000.000

Các công ty con và Công ty liên kết:

Công ty con	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24 – ICIC 24	Công ty con	65%	65%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Cơ giới Xây dựng – ICIC Cơ giới	Công ty liên kết	25%	25%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3 – ICIC 3	Công ty liên kết	20%	20%

Các Xí nghiệp và Chi nhánh của Công ty gồm:

- Xí nghiệp Xây dựng số 1
- Xí nghiệp Xây dựng số 4
- Xí nghiệp Xây dựng số 5
- Xí nghiệp Xây dựng số 7
- Xí nghiệp Xây dựng số 9
- Xí nghiệp Xây dựng số 18
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế Xây dựng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh
- Trường Bổ túc Văn hóa Dạy nghề

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101482060 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/04/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 25/12/2010:

- Giám sát thi công xây dựng loại công trình hạ tầng, thủy lợi, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công trình xây dựng – hoàn thiện;
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện loại công trình đường bộ;
- Môi giới bất động sản;
- Định giá bất động sản;
- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn;
- Thiết kế công trình kỹ thuật;
- Thiết kế công trình giao thông;
- Thiết kế công trình thủy lợi;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình, dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Tư vấn đầu thầu, tư vấn quản lý dự án đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, kỹ thuật và dự toán, quyết toán công trình xây dựng;
- Thí nghiệm kiểm định vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, công trình, công trình xây dựng;
- Sản xuất kết cấu thép phục vụ các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn giám sát chất lượng xây dựng;
- Thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng kiến trúc nội, ngoại thất công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Khảo sát, thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư;
- Sản xuất, kinh doanh rượu và nước giải khát có cồn;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện cơ khí phục vụ các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở và hạ tầng khu công nghiệp;
- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng đến nhóm A, xây dựng các công trình thủy lợi, đường bộ, đường dây và trạm biến thế điện.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán - Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác liên quan đến quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất phản ánh dòng tiền của doanh nghiệp bao gồm các khoản tiền thu và chi của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm.

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.
Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	08 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

+ Một số tài sản mua mới hoặc đầu tư mới, thời gian khấu hao bằng ½ thời gian khấu hao tối thiểu theo quy định của Bộ Tài chính.

+ Một số tài sản như Trạm trộn bê tông Thái Nguyên, Công ty thực hiện khấu hao theo sản phẩm căn cứ vào công suất thiết kế và thời gian theo quy định của Bộ Tài chính.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất và Công ty không thực hiện trích khấu hao trên nguyên giá Tài sản cố định vô hình.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

9. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty Mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty Mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Tại Báo cáo tài chính của Công ty Mẹ, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc.

10. Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí dự án chờ phân bổ và các khoản chi phí khác.

11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi sổ bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu của hợp đồng khảo sát, dự án, thiết kế, tư vấn, xây lắp công trình được ghi nhận trên cơ sở biên bản nghiệm thu quyết toán khối lượng công việc hoàn thành. Giá trị doanh thu được xác định căn cứ vào số liệu trên biên bản nghiệm thu hoặc chấp nhận thanh toán được chấp thuận bởi chủ đầu tư.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi của Ngân hàng.

14. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và các chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hoạt động. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

V.01 Tiền và tương đương tiền

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	1.022.928.335	1.682.948.084
Tiền gửi ngân hàng	21.420.432.243	30.960.236.920
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	-
Cộng	25.443.360.578	32.643.185.004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

V.02 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	700.000.000	9.500.000.000
Cộng	700.000.000	9.500.000.000

V.03 Phải thu khách hàng

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu tại Văn phòng Công ty	46.087.000.488	82.244.388.004
Công trình Xi măng Thái Nguyên	21.127.464.907	16.600.585.871
Phải thu khách hàng khác	24.959.535.581	65.643.802.133
Phải thu tại Xí nghiệp 1	23.436.800.288	19.716.994.651
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 5 - Buôn Ma Thuột	4.177.723.192	3.426.825.288
Công ty TNHH Vân Đồn - Hạ Long	4.761.307.211	1.147.532.000
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Sông Hồng	5.830.284.800	6.830.284.800
Công ty TNHH 1 thành viên Than Mạo Khê	1.334.290.846	1.334.290.846
Phải thu khách hàng khác	7.333.194.239	6.978.061.717
Phải thu tại Xí nghiệp 4	2.953.191.688	2.397.837.449
Phải thu tại Xí nghiệp 5	12.964.663.985	9.147.860.976
Công trình Tuyển than Cửa Ông	7.479.236.000	100.709.300
Công trình Bệnh viện Ung Bướu	2.023.542.302	5.172.356.383
Phải thu khách hàng khác	3.461.885.683	3.874.795.293
Phải thu tại Xí nghiệp 7	7.255.776.455	7.375.594.753
Phải thu tại Xí nghiệp 9	6.311.031.206	10.478.655.715
Phải thu tại Xí nghiệp 18	1.714.217.062	4.495.926.422
Phải thu tại Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	8.832.322.758	4.669.759.908
Phải thu tại Trung tâm Tư vấn Thiết kế	1.188.980.430	661.211.100
Phải thu tại Công ty CP Đầu tư & Xây dựng số 24 - ICIC 24	23.944.868.688	8.509.095.612
Ngân hàng BIDV - CN Bắc Sài Gòn	3.301.204.343	-
Công trình Nhà nghiên cứu - Xi măng Thái Nguyên	3.510.659.131	-
Công trình Nhà xưởng - KT Vinatex	2.555.583.000	2.085.824.000
Phải thu khách hàng khác	14.577.422.214	6.423.271.612
Cộng	134.688.853.048	149.697.324.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

V.04 Các khoản phải thu khác

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu về Cổ phần hóa	-	2.017.137
Phải thu các Đội và Chủ nhiệm Công trình tại Văn phòng Công ty	9.262.329.045	1.474.617.767
Dư nợ tài khoản 3388 tại Văn phòng Công ty	32.268.336	24.774.102.221
Phải thu các Đội và Chủ nhiệm Công trình tại Xí nghiệp và Chi nhánh	47.063.458.574	60.265.318.024
Các khoản phải thu của CBCNV	-	35.633.774
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3	289.319.613	348.295.531
Công ty Cổ phần Đầu tư và Cơ giới xây dựng	595.223.070	117.544.037
Các khoản phải thu khác	6.920.610.873	15.560.047.099
Cộng	64.163.209.511	102.577.575.590

V.05 Hàng tồn kho

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	69.885.111	126.450.254
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	211.902.303.630	175.894.139.164
Hàng hoá	1.745.286.756	2.542.458.672
Cộng	213.717.475.497	178.563.048.090

V.06 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	773.340.663	624.030.881
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	356.818.507	11.000.000
Cộng	1.130.159.170	635.030.881

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

V.07 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	8.165.181.873	15.552.450.847	17.499.914.952	1.245.351.869	42.462.899.541
Tăng trong năm	1.268.091.454	505.484.546	200.000.000	236.099.154	2.209.675.154
Tăng trong năm	1.178.546.000	505.484.546	200.000.000	236.099.154	2.120.129.700
Đầu tư XDCB hoàn thành	89.545.454	-	-	-	89.545.454
Giảm trong năm	-	1.721.352.992	898.293.287	16.353.000	2.635.999.279
Thanh lý	-	1.721.352.992	898.293.287	16.353.000	2.635.999.279
Số dư cuối năm	9.433.273.327	14.336.582.401	16.801.621.665	1.465.098.023	42.036.575.416

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư đầu năm	4.049.427.315	8.322.398.594	8.091.979.670	965.255.482	21.429.061.061
Tăng trong năm	384.854.027	2.127.858.198	1.943.888.129	191.505.087	4.648.105.441
Khấu hao trong năm	384.854.027	2.127.858.198	1.943.888.129	191.505.087	4.648.105.441
Giảm trong năm	-	1.721.352.992	721.552.947	16.353.000	2.459.258.939
Thanh lý	-	1.721.352.992	721.552.947	16.353.000	2.459.258.939
Số dư cuối năm	4.434.281.342	8.728.903.800	9.314.314.852	1.140.407.569	23.617.907.563

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm	4.115.754.558	7.230.052.253	9.407.935.282	280.096.387	21.033.838.480
Tại ngày cuối năm	4.998.991.985	5.607.678.601	7.487.306.813	324.690.454	18.418.667.853

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**V.08 Các khoản Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4.998.386.464	4.665.690.394
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Cơ giới xây dựng	2.663.504.968	2.505.165.412
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3	2.334.881.496	2.160.524.982
Đầu tư dài hạn khác	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm VINAINCON	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	6.998.386.464	6.665.690.394

V.09 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí dự án chờ phân bổ	4.113.691.377	19.741.499.121
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	12.431.273	3.492.209.559
Cộng	4.126.122.650	23.233.708.680

V.10 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Hà Nội (*)	108.564.354.512	82.572.657.727
Vay huy động vốn của các cá nhân	20.546.418.356	18.058.505.850
Nợ dài hạn đến hạn trả (BIDV)	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	131.110.772.868	102.631.163.577

(*) Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTD ngày 28/06/2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Nội; Hợp đồng tín dụng số 01-2011/HĐTD ngày 12/07/2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Nội, hạn mức tín dụng lần lượt là: 100.000.000.000 đồng và 12.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 1 năm, mục đích vay: bổ sung Vốn Lưu động thường xuyên, thế chấp đảm bảo: hợp đồng tín dụng có đảm bảo bằng tài sản của các Công ty và các cá nhân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

V.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế Giá trị Gia tăng	24.722.823.155	16.919.336.048
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	1.200.539.766	1.963.799.354
Thuế Thu nhập Cá nhân	220.612.748	129.327.714
Các loại thuế khác	68.254.550	168.060.324
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.009.419.471	157.137.886
Cộng	<u>27.221.649.690</u>	<u>19.337.661.326</u>

V.12 Chi phí phải trả

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí phải trả Dự án NM XM Thái Nguyên	1.106.772.618	1.106.772.618
Lãi vay phải trả Ngân hàng & các đối tượng khác	862.555.835	453.667.881
Các khoản chi phí phải trả khác	93.462.046	-
Cộng	<u>2.062.790.499</u>	<u>1.560.440.499</u>

V.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Kinh phí Công đoàn	162.438.070	69.570.187
Bảo hiểm xã hội	145.233.517	163.402.855
Phải trả cổ tức cổ đông cá nhân	-	157.500.000
Bảo hiểm y tế	42.644.468	32.375.597
Phải trả về cổ phần hóa	560.570.000	560.570.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	31.554.380.779	34.841.844.278
<i>Ngân hàng ĐT&PT CN Hà Nội (Phí bảo lãnh)</i>	<i>242.634.751</i>	<i>1.006.834.817</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICIC3</i>	<i>2.455.953.100</i>	<i>7.470.192.470</i>
<i>Công ty cổ phần Đầu tư và Cơ giới xây dựng</i>	<i>6.789.545.465</i>	<i>16.762.054.240</i>
<i>Phải trả đội và các chủ nhiệm Công trình</i>	<i>-</i>	<i>8.629.998.478</i>
<i>Phải trả vay Chủ Đầu tư</i>	<i>17.819.749.250</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>4.246.498.213</i>	<i>972.764.273</i>
Cộng	<u>32.465.266.834</u>	<u>35.825.262.917</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

V.14 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	3.999.999.969	5.999.999.969
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam-CN Hà Nội (**)	3.999.999.969	5.999.999.969
Nợ dài hạn của các Xí nghiệp và các Đội	2.995.737.173	3.535.040.411
Xí nghiệp xây dựng số 4	-	175.328.669
Xí nghiệp xây dựng số 18	2.367.824.479	2.425.687.421
Xí nghiệp xây dựng số 1	347.410.000	685.905.595
Văn phòng Công ty	17.976.562	53.869.610
Xí nghiệp xây dựng số 5	207.212.784	99.306.818
Xí nghiệp xây dựng số 7	55.313.348	94.942.298
Cộng	<u>6.995.737.142</u>	<u>9.535.040.380</u>

(**) Theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2009/HĐTĐTH ngày 24 tháng 12 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội. Số tiền vay: 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, mục đích vay: vay vốn mua thiết bị của dự án đầu tư thiết bị máy móc thi công năm 2009 theo Quyết định số 198/QĐ-HĐQT ngày 08 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp, hoàn trả gốc vay: thời gian hoàn trả gốc vay trong 05 năm.

V.15 Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Dự phòng bảo hành các công trình xây lắp	3.183.586.772	3.183.586.772
Dự phòng phải trả (TTTTV)	-	23.671.818
Cộng	<u>3.183.586.772</u>	<u>3.207.258.590</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

V.16 Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn Đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc Vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2010	30.000.000.000	408.266.000	492.694.730	828.000.000	20.000.000	5.703.427.834	37.452.388.564
Tăng trong năm	10.000.000.000	350.000.000	2.505.305.270	333.000.000	170.000.000	6.955.838.381	20.314.143.651
Tăng vốn	10.000.000.000	350.000.000	-	-	-	-	10.350.000.000
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế	-	-	2.505.305.270	333.000.000	170.000.000	-	3.008.305.270
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	6.948.366.897	6.948.366.897
Tăng khác	-	-	-	-	-	7.471.484	7.471.484
Giảm trong năm	-	-	2.827.170.000	-	190.000.000	8.434.139.327	11.451.309.327
Trích lập các Quỹ	-	-	-	-	-	3.319.139.327	3.319.139.327
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	5.115.000.000	5.115.000.000
Chi cổ phiếu thưởng và giảm khác	-	-	2.827.170.000	-	190.000.000	-	3.017.170.000
Số dư tại 31/12/2010	40.000.000.000	758.266.000	170.830.000	1.161.000.000	-	4.225.126.888	46.315.222.888
Số dư tại 01/01/2011	40.000.000.000	758.266.000	170.830.000	1.161.000.000	-	4.225.126.888	46.315.222.888
Tăng trong năm	-	-	350.000.000	300.000.000	-	7.753.726.766	8.403.726.766
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế	-	-	350.000.000	300.000.000	-	-	650.000.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	7.753.726.766	7.753.726.766
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	3.968.073.221	3.968.073.221
Trích lập các Quỹ	-	-	-	-	-	1.116.015.100	1.116.015.100
Chi trả tiền cổ tức	-	-	-	-	-	1.920.000.000	1.920.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	932.058.121	932.058.121
Số dư tại 31/12/2011	40.000.000.000	758.266.000	520.830.000	1.461.000.000	-	8.010.780.433	50.750.876.433

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

V.16 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết số vốn góp của Chủ sở hữu

Nhà Đầu tư	Vốn Điều lệ đăng ký		Vốn Điều lệ đã góp	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	14.400.000.000	36%	14.400.000.000	36%
Các Cổ đông khác	25.600.000.000	64%	25.600.000.000	64%
Cộng	40.000.000.000	100%	40.000.000.000	100%

c. Cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Số lượng cổ phiếu phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	4.000.000	4.000.000
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

VI.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	633.830.512.851	647.983.278.720
Giảm doanh thu do Công trình bị cắt giảm sau kiểm toán	47.450.909	3.272.477
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	633.783.061.942	647.980.006.243
Cộng	633.783.061.942	647.980.006.243

VI.02 Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn hàng bán	595.375.853.147	617.409.071.775
Cộng	595.375.853.147	617.409.071.775

VI.03 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	305.539.225	1.908.125.760
Tiền gửi có kỳ hạn	480.064.086	233.895.764
Lãi cho vay và lãi chậm nộp nhận được	5.468.148.881	519.763.798
Lãi tiền ký quỹ tại ngân hàng	-	466.559.900
Cổ tức lợi nhuận được chia	348.500.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	310.573.336	1.839.517.209
Doanh thu cho thuê cốp pha	607.388.397	509.954.000
Cộng	7.520.213.925	5.477.816.431

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VI.04 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	17.652.807.846	4.330.259.605
Chi phí tài chính khác	67.506.338	1.112.050.129
Cộng	17.720.314.184	5.442.309.734

VI.05 Thu nhập khác và chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập khác	3.681.173.997	4.480.110.665
Thu từ thanh lý, nhượng bán vật tư tài sản	380.000.000	2.631.681.316
Hoàn nhập dự phòng	-	646.550.530
Tiền sử dụng thương hiệu	982.616.068	549.126.390
Thu nhập khác	2.318.557.929	652.752.429
Chi phí khác	2.536.078.725	3.746.840.372
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	176.840.340	1.761.908.855
Giá vốn vật tư hàng hóa thanh lý	968.181.818	1.984.931.517
Chi phí khác	1.391.056.567	-
Lợi nhuận/(lỗ) khác	1.145.095.272	733.270.293

VI.06 Chi phí Thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.437.305.495	9.926.505.205
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	-	146.150.000
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	1.405.346.157	743.918.358
Thu nhập tính thuế	8.031.959.338	9.328.736.847
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.009.372.071	2.332.184.212
- Chi phí thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị quyết 08/2011/QH13	395.004.330	-
Thuế TNDN phải nộp	1.614.367.741	2.332.184.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VI.07 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau Thuế TNDN	7.753.726.766	7.449.764.003
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận	(494.680.244)	(501.397.106)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm lợi ích các cổ đông thiểu số	494.680.244	501.397.106
Lợi nhuận sau điều chỉnh	7.259.046.522	6.948.366.897
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.000.000	3.019.178
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.815	2.301

VI.08 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	353.035.715.002
Chi phí nhân công	129.643.528.772
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.648.105.441
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.202.496.348
Chi phí khác	10.740.181.938
Cộng	540.270.027.501

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

VII.01 Thu nhập của Ban Giám đốc Công ty

	Năm 2011 VND
Thu nhập từ tiền lương	
Đàm Xuân Vũ	180.500.000
Trần Gia Hưng (Kiêm Giám Đốc Xí nghiệp 1)	244.690.000
Đào Ngọc Trình	132.292.000
Võ Kiên Giang (Kiêm Giám đốc Xí nghiệp 9)	159.290.000
Trần Văn Khiên (Kiêm Giám đốc Công ty ICIC 24)	61.100.000
Thu nhập từ thù lao Hội đồng Quản trị	
Đàm Xuân Vũ	24.000.000
Trương Quang Dũng	24.000.000
Trần Văn Khiên	12.000.000
Trần Gia Hưng	24.000.000

VII.02 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

	Năm 2011 VND
Giao dịch với các Bên liên quan	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3	
- Công ty liên kết	
Công ty vay vốn	1.700.000.000
Mua hàng	16.009.565.011
Công ty CP Đầu tư và Cơ giới Xây dựng	
- Công ty liên kết	
Công ty vay vốn	15.000.000.000
Mua hàng	86.643.506.630

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

VII.02 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư với các Bên liên quan

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
<i>Các khoản phải trả khác</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3	1.069.186.100	63.000.000
- Công ty liên kết		
Phải trả tiền vay	1.000.000.000	-
Phải trả lãi vay	6.186.100	-
Phải trả khác	63.000.000	63.000.000
Công ty CP Đầu tư và Cơ giới Xây dựng	6.793.655.460	12.707.409.540
- Công ty liên kết		
Phải trả khối lượng công trình	4.793.655.460	12.707.409.540
Phải trả tiền vay	2.000.000.000	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3	289.319.613	348.295.531
- Công ty liên kết		
Phải thu phí sử dụng thương hiệu	70.159.082	348.295.531
Phải thu khác	219.160.531	-
Công ty CP Đầu tư và Cơ giới Xây dựng	595.223.070	117.544.037
- Công ty liên kết		
Phải thu phí sử dụng thương hiệu	497.130.186	-
Phải thu lợi nhuận	94.381.002	94.381.002
Phải thu khác	3.711.882	23.163.035

VII.03 Số liệu so sánh

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPAVietnam).

VII.04 Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc



Đàm Xuân Vũ